TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Anh Dũng

2. Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1988; nơi thường trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn M, xã Q, tỉnh Bắc Ninh); nơi ở hiện nay: Số X đường N, tổ dân phố N, phường C, thành phố Hải Phòng; số căn cước công dân: xxxxxxxxxxxx. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1986; nơi thường trú: Thôn T, xã Q, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn M, xã Q, tỉnh Bắc Ninh); số căn cước công dân: xxxxxxxxxxxx. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Chị và anh Phạm Văn K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 25/8/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh K, sau đó cùng đi làm và thuê nhà ở Hưng Yên. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, không còn chia sẻ và tôn trọng nhau. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải

nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay, kinh tế riêng biệt, không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Phạm Thu P, sinh ngày 14/11/2009, hiện đang sống cùng chị tại nhà ông bà ngoại. Chị đang làm việc tại Công ty cổ phần H, thu nhập 13.248.367 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định và trực tiếp chăm sóc cháu từ khi vợ chồng ly thân. Chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P; không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Phạm Văn K trình bày: Anh thống nhất với chị H về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi vã; đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thu P, sinh ngày 14/11/2009, hiện đang sống cùng chị H. Anh đồng ý giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phạm Thu P là con chung của chị H, anh K trình bày: Cháu đồng ý việc bố mẹ ly hôn và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ và ông bà ngoại vì cháu được chăm sóc tốt, nơi ở thoải mái, thuận tiện cho việc học tập.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện; cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Phạm Văn K; giao cháu Phạm Thu P, sinh ngày 14/11/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng do chị H không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung và công sức chung không yêu cầu nên không xem xét; chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh Phạm Văn K có nơi thường trú tại xã Q, tỉnh Bắc Ninh nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Chị H và anh K đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Q, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 25/8/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H và anh K đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thường xuyên cãi vã; gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Hai bên đã ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh K đồng ý ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Phạm Thu P, sinh ngày 14/11/2009 hiện đang sống ổn định cùng chị H. Chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, trực tiếp chăm sóc cháu từ khi vợ chồng ly thân; cháu P có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Anh K đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quyền lợi mọi mặt của cháu và quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại các điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và công sức chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Mai H trực tiếp nuôi con chung Phạm Thu P, sinh ngày 14/11/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006010 ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Q, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Mai Hương